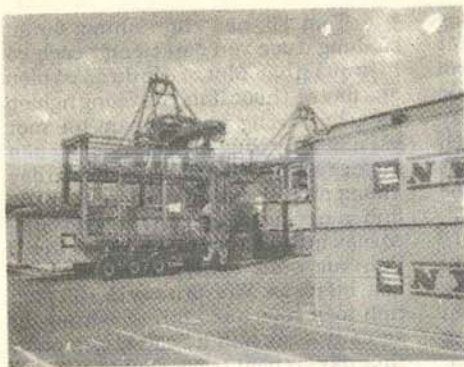




ÁP DỤNG VỐN PHÁP ĐỊNH TỐI THIỂU TRONG LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

PHẠM CHÍ DỨNG

Thực tiễn hiện nay cho thấy ta phải xây dựng ngay một thang vốn pháp định tối thiểu (PDTT) để xác định năng lực các bên đối tác ngay từ giai đoạn đầu xét duyệt hồ sơ xin giấy phép đầu tư, đồng thời cần qui định chặt chẽ tiến độ góp vốn pháp định nhằm bảo đảm cho công ty liên doanh có cơ sở để hoạt động sau khi có giấy phép đầu tư.

1. CÁCH XÂY DỰNG VỐN PDTT

Xây dựng vốn phải đóng tối thiểu, cũng giống như vốn pháp định cho các ngành nghề theo Luật doanh nghiệp tư nhân là một công việc đòi hỏi sự tính toán đến rất nhiều yếu tố và mang tính chất phức tạp cao. Ở đây, chỉ xin đề cập một vài cách thức cơ bản như sau:

1. Phân định theo chuyên ngành và khu vực

Các chuyên ngành chính trong Đầu tư nước ngoài (ĐTNN) có thể kể đến ngành công nghiệp nặng, công nghiệp dầu khí, công nghiệp nhẹ, nông lâm nghiệp, khách sạn - du lịch, dịch vụ, giao thông vận tải - bưu điện, xây dựng, văn hóa y tế giáo dục, thủy sản, tài chính-ngân hàng và xuất nhập khẩu. Mỗi chuyên ngành đều có những

đặc trưng riêng và yêu cầu các qui mô vốn PDTT khác nhau, chủ yếu phụ thuộc vào nhu cầu thu hút vốn ĐTNN cao hay thấp. Chẳng hạn như đối với xuất nhập khẩu, hiện nay riêng TP.HCM đã có đến hơn 100 đơn vị, khá đủ để cạnh tranh lẫn nhau căng thẳng. Vậy có thể kết luận sơ bộ ngành này không cần vốn ĐTNN nhiều lắm. Hoặc như ngành khách sạn đang trở nên bão hòa với một phần lớn số khách sạn chỉ huy động được khoảng 30-40% công suất thiết kế, do đó đầu tư vào nhiều chưa hẳn đã là một sách lược hay, thậm chí trong một số trường hợp còn gây phức tạp cho việc quản lý nhà nước và ảnh hưởng đến thuận phong mỹ tục do tình cạnh tranh khốc liệt.

Nhưng ở các ngành hạ tầng cơ sở, tình hình lại khác hẳn. Vốn là lĩnh vực

đang xuống cấp trầm trọng sau một thời gian dài sử dụng nên các ngành này yêu cầu vốn rất nhiều. Đối với ngân sách, yêu cầu này có vẻ quá tải, do đó một phần lớn trong số đó chỉ còn cách huy động từ vốn ĐTNN mà thôi.

Từ cơ sở trên, ta có thể xây dựng thang vốn PDTT cao đối với những ngành không yêu cầu vốn ĐTNN nhiều, và thấp hơn đối với các ngành có yêu cầu vốn cao hơn. Thang vốn PDTT này có thể áp dụng cho từng khu vực, địa phương.

Đối với bình diện nhiều khu vực, vốn PDTT có thể được xây dựng phụ thuộc vào loại đô thị. Đặc thù lớn nhất của các đô thị trong việc hợp tác đầu tư với nước ngoài là quyền sử dụng đất (chiếm đến trên 70% trong cơ cấu góp vốn của các bên Việt Nam trong thời gian 6 năm ĐTNN vừa qua). Theo thông tư số 51/TC-TCT năm 1992 của Bộ tài chính, đô thị được phân ra 5 nhóm với giá thuê đất khác nhau. Như vậy nếu lấy vốn PDTT ở đô thị nhóm 1 (TP.Hồ Chí Minh) làm chuẩn thì vốn PDTT ở đô thị các nhóm khác sẽ được tính giảm theo hệ số khu vực.

VD: Giá thuê đất cao nhất ở TP.HCM là 18 USD/m²/năm, ở đô thị nhánh (như Thái Nguyên) là 4 USD/m²/năm. Như vậy hệ số khu vực là $18/4 = 4,5$; có nghĩa là vốn PDTT ở Thái Nguyên chỉ bằng $1/4,5$ lần TP.HCM.

Việc tính toán vốn PDTT theo khu vực sẽ tránh được tình trạng vốn PDTT dàn đều, vốn đầu tư nơi thừa, nơi thiếu. Do vậy các khu vực miền xa có thể thu hút vốn ĐTNN dễ dàng hơn.

2. Tính theo nhu cầu vốn đầu tư tối thiểu cho từng chuyên ngành

Cách tính toán này cũng phải dựa trên cơ sở quan hệ cung nhỏ hơn cầu trong ĐTNN. Khi đó sẽ có một số nhu cầu đòi ra và có thể được đáp ứng bởi các nguồn vốn khác nhau. Nếu gọi C_{min} là vốn đầu tư tối thiểu cho một chuyên ngành nào đó và P là số lượng dự án (hoặc công trình) trong chuyên ngành đó thì C_{min}- vốn đầu tư tối thiểu cho 1 dự án (công trình) - sẽ là: $C_{min} = C_{min}/P$

C_{min} là cơ sở để xác định vốn pháp định và vốn PDTT. Thường thì vốn pháp định bằng hoặc lớn hơn 0,3 C_{min}, còn vốn PDTT bằng hoặc lớn hơn 0,5 vốn pháp định, có nghĩa là bằng hoặc lớn hơn 0,15 C_{min}.

Giả dụ trong lãnh vực hạ tầng cơ sở của TP.HCM, trong một kế hoạch 7 năm từ 1993 đến 2000 cần ít nhất 480



triệu USD để khôi phục và củng cố. Trong đó, ngân sách quốc gia, thành phố và viện trợ, tài trợ quốc tế đáp ứng được 50%. Như vậy còn lại 240 triệu USD cần huy động vốn ĐTNN trực tiếp. Giả định ĐTNN được thực hiện dưới hình thức xí nghiệp liên doanh BOT với tỷ lệ góp của Việt Nam là 25% thì tổng vốn đầu tư tối thiểu (C_{min}) cần là 300 triệu USD.

Nếu với khoảng 50 dự án (công trình), vốn đầu tư tối thiểu cho 1 dự án (công trình) C_{min} = 300/50 = 6 triệu USD.

Như vậy vốn pháp định bằng 0,3 C_{min} = 0,3x6 = 1,8 triệu USD.

Và vốn PĐTT bằng 0,5 vốn pháp định, tức 0,9 triệu USD.

Tất nhiên trường hợp này mới chỉ tính vốn PĐTT ở mức độ nhỏ nhất, bảo đảm cho dự án có thể hoạt động được ngay ở giai đoạn xây dựng cơ bản.

3. Tính theo vốn pháp định bình quân của từng chuyên ngành

Đây là cách tính không dựa theo bất kỳ một công thức nào mà chỉ thuần túy căn cứ vào kinh nghiệm thực hiện vốn pháp định và vốn pháp định bình quân trong thời gian 6 năm vừa qua. Vốn pháp định bình quân được tính ra đối với các chuyên ngành như sau:

- Công nghiệp nặng 5,14 triệu USD.
- Công nghiệp dầu khí 40 triệu USD.
- Công nghiệp nhẹ 2,47 triệu USD.
- Nông lâm nghiệp 3,9 triệu USD.
- Khách sạn du lịch 9,03 triệu USD.
- Dịch vụ 1,79 triệu USD.
- Giao thông vận tải - bưu điện 7,35 triệu USD.
- Xây dựng 0,43 triệu USD.
- Văn hóa - y tế - giáo dục 0,73 triệu USD.
- Thủy sản 1,78 triệu USD.
- Tài chính- ngân hàng 11,54 triệu USD.
- Xuất nhập khẩu 0,5 triệu USD.

Có thể thấy rằng các ngành dầu khí, tài chính ngân hàng đạt vốn pháp định bình quân cho mỗi dự án cao hơn cả. Vốn PĐTT bình quân cho mỗi dự án sẽ được tính bằng hoặc lớn hơn 0,5 vốn pháp định bình quân trên. Theo đó, một dự án chỉ có tính khả thi ít nhất ở giai đoạn đầu nếu vốn PĐTT của nó đáp ứng cho chuyên ngành đó. VD: trong chuyên ngành giao thông vận tải - bưu điện, vốn PĐTT bình quân phải là 3,7 triệu USD. Còn trong ngành xây dựng và xuất nhập khẩu, vì vốn pháp định bình quân tương đối thấp nên có thể lấy bằng vốn PĐTT bình quân.

4. Điều chỉnh vốn PĐTT

Các cách tính vốn PĐTT ở trên mới chỉ căn cứ vào điều kiện thực trạng mà chưa xét đến những biến đổi của thị trường đầu tư tương lai. Với những

biến đổi đó, vốn PĐTT cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp, và phụ thuộc chủ yếu vào 2 yếu tố:

- Tăng trưởng của ĐTNN.
- Giá thuê đất.

Chẳng hạn trong một dự báo gần đây, năm 1994 vốn ĐTNN có thể tăng khoảng 150% so với năm 1993. Đồng thời theo qui định của Bộ tài chính năm 1992, giá cho thuê đất được điều chỉnh 5 năm một lần và không vượt quá 15%. Do đó nếu gọi C_{min} là vốn PĐTT thì trong năm 1994, C_{min} = vốn PĐTT (1993) x 1,5.

Nếu dự đoán đến năm 1997, vốn ĐTNN tăng trưởng 250% so với 1993 thì C_{min} (1997) = vốn PĐTT (1993) x 1,15 x 2,5.

VD: đối với ngành giao thông vận tải - bưu điện, đến năm 1997 vốn PĐTT là: 3,7 triệu USD x 1,15 x 2,5 = 10,64 triệu USD. Trong đó 1,15 là hệ số tính đến việc tăng 15% giá cho thuê đất của Bộ tài chính.

II. GÓP VỐN PHÁP ĐỊNH

Một vấn đề cần đề cập thêm là Luật ĐTNN tại Việt Nam nên bổ sung chế độ góp vốn pháp định (bao gồm cả vốn PĐTT) cho rõ ràng, thể hiện ở tiến độ góp vốn, tránh tình trạng các dự án phải cất giấy phép hoặc bỏ dở dang mà không có lý do chính đáng.

Theo đó, ngay sau khi nhận được giấy phép đầu tư của SCCI, 2 bên đối tác phải ký quỹ ngay một tỷ lệ nào đó

Nhưng thời gian vượt quá hạn định góp vốn, ngân hàng sẽ không tính lãi cho số tiền ký quỹ. Trong vòng một thời gian nào đó (tối đa 3-6 tháng). Vượt quá hạn định góp vốn mà các bên không hoàn thành việc góp vốn với những lý do không chính đáng (VD: không phải lý do bất khả kháng) thì ngân hàng có quyền lấy 100% hoặc 50% số tiền ký quỹ sung vào công quỹ nhà nước (kho bạc nhà nước).

Khoảng thời gian tối đa cho việc góp vốn pháp định có thể lấy là một năm. Đối với những dự án có qui mô tương đối lớn và lớn, tiến độ góp vốn cần được qui định từ 2-3 năm (có xét đến giai đoạn xây dựng cơ bản) dựa vào quyết định 366/HDBT ngày 7.11.1991 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ thẩm định các dự án có vốn ĐTNN, trong đó có phân định các cấp (SCCI, HDBT) xét duyệt dự án tùy theo qui mô vốn đầu tư. Theo đó, những dự án có qui mô lớn hơn 20 triệu USD cần được qui định thời gian góp vốn pháp định từ 2-3 năm.

Còn đối với các dự án có qui mô từ 20 triệu USD trở xuống, thời gian góp vốn pháp định có thể là một năm. Tuy vậy trong quá trình thực hiện, chế độ tiến độ góp vốn cũng cần xét đến các yếu tố khác, đặc biệt là yếu tố chuyên ngành.



(khoảng 5-10%) của vốn pháp định vào một ngân hàng duy nhất tại địa phương. (VD: VietComBank ở TP.HCM) (một số nước đã áp dụng hình thức này) ngân hàng này có trách nhiệm đặc biệt là nhận tiền ký quỹ của các công ty liên doanh và khác với các ngân hàng nơi công ty liên doanh mở tài khoản thường xuyên.

Ngân hàng được ký quỹ sẽ lưu giữ số tiền ký quỹ trong suốt thời gian quy định góp vốn, có tính đến lãi suất tiền gửi, và sẽ hoàn trả cho các bên đối tác sau khi hoàn thành việc góp vốn đúng tiến độ.

Tóm lại, ĐTNN đang tăng trưởng khá nhanh trên thị trường của chúng ta, trong khi thị trường này lại chưa hội tụ đủ các ràng buộc pháp lý để bảo đảm phục vụ qui luật cạnh tranh lành mạnh và quản lý nhà nước có hiệu quả. Việc nghiên cứu và áp dụng thử nghiệm, tiến tới áp dụng toàn phần, khái niệm "vốn PĐTT" cùng các yếu tố liên quan sẽ có thể tạo một bầu không khí đầu tư trong lành hơn, không những đối với việc thực hiện Luật ĐTNN mà còn cả trong Luật đầu tư trong nước sắp được ban hành của Việt Nam.